

Số: 100 /BC-BCĐ

Quận 5, ngày 17 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO

Đánh giá cấp độ dịch COVID-19 tuần từ 10/4/2023 đến 16/4/2023

Căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ về ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng, an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”;

Căn cứ Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Bộ Y tế về ban hành hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”;

Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 Quận 5 báo cáo đánh giá cấp độ dịch COVID-19 tuần từ 10/4/2023 đến 16/4/2023 như sau:

1. Kết quả đánh giá cấp độ dịch các phường:

Sau khi kết hợp các tiêu chí, kết quả như sau:

- Tỷ lệ phường đạt cấp độ 1 là: 100%, gồm 14/14 phường.

2. Chi tiết đánh giá cấp độ dịch các phường: Đính kèm Phụ lục./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế/TP ;
- TT.QU – TT.UBND/Q5;
- BCĐ PCDB/Q5;
- VP.QU - VP.UBND/Q5(VX);
- Lưu: VT, YT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



PHÓ CHỦ TỊCH UBND QUẬN 5
Nguyễn Võ Xuân Kỳ

Bảng đánh giá chi tiết cấp độ dịch các phường tuần từ 10/4/2023 – 16/4/2023
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 100 /BC-BCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 Quận 5)

Các chỉ số			Chỉ số 1a			Chỉ số 1b				Chỉ số 1c		Chỉ số 2a				Chỉ số 2b				Chỉ số điều chỉnh mức độ dịch (2a + 2b)		Khả năng đáp ứng 3a		Khả năng đáp ứng 3b				Khả năng đáp ứng 3c			Cấp độ dịch	
Phường	Dân số	Số hộ	Số ca mắc mới trong tuần ngày 10/4-16/4/2023	Tỷ lệ mắc mới trong tuần/100.000 dân	Mức độ lây nhiễm theo 1a	Số ca thở oxy trung bình trong tuần	Tỷ lệ ca bệnh phải thở oxy Trung Bình trong tuần/100.000 dân	Mức độ lây nhiễm Theo 1b	Mức độ lây nhiễm (1a+1b)	Số ca tử vong mới trong tuần	Tỷ lệ số ca tử vong trong tuần/100.000 dân	Số mũi tiêm đủ mũi (áp dụng đánh giá mới theo CV 8372 từ ngày 5/12/2022 Tỷ lệ tính bằng (tổng trẻ <12 tiêm đủ mũi cơ bản + người từ 12 tuổi trở lên tiêm đủ mũi cơ bản và nhắc 1)/ tổng dân số		Tỷ lệ tiêm đủ mũi VX (%)	Độ phủ VX (2a) (>=75%)	Số mũi 3 nguy cơ cao	Tỷ lệ tiêm đủ mũi VX (nguy cơ cao) (%)	Độ phủ VX (2b) (>=90%)	Độ phủ VX (Phối hợp 2a+2b)	Mức độ lây nhiễm (Hiệu chỉnh theo chỉ số 2a + 2b)	Tỷ lệ sản sàng quan ly, chăm sóc/ 10.000 hộ dân	Khả năng đáp ứng (3a)	Tỷ lệ giường bệnh dành cho BN Covid/ 100.000 dân (QH đánh giá, áp dụng cho P/X)	Khả năng đáp ứng (3b)	Khả năng đáp ứng (3a+3b)	Tỷ lệ giường điều trị ICU có đủ NVYT phục vụ/ 100.000 dân (>=4/100.000 dân)	Khả năng đáp ứng (3c)	Hiệu chỉnh khả năng đáp ứng theo chỉ số 3c	Cấp độ dịch (1)	Cấp độ dịch (2) Hiệu chỉnh theo tiêu chí 1c		
			Chỉ số 1a	Chỉ số 1a	Chỉ số 1a	Chỉ số 1b	Chỉ số 1b	Chỉ số 1b	Chỉ số 1a+1b	Chỉ số 1c	Chỉ số 1c	Mũi 2 người 12-17	Mũi 3 người từ 12t trở lên	Chỉ số 2a	Chỉ số 2a	Chỉ số 2b	Chỉ số 2b	Chỉ số 2b	Chỉ số 2a+2b	Chỉ số 3a	Chỉ số 3a	Chỉ số 3b	Chỉ số 3b	Chỉ số 3a+3b	Chỉ số 3c	Chỉ số 3c	Chỉ số 3a+3b+3c	Kết hợp Mức độ lây nhiễm + khả năng đáp ứng	Cấp độ dịch			
Phường 1	17199	4315	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	371	9330	56,40%	Không đạt	4010	100,43%	Đạt	Không đạt	2	695,2	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1		
Phường 2	14365	3861	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	252	11037	78,59%	Đạt	4766	106,91%	Đạt	Đạt	1	777,0	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1		
Phường 3	7630	1386	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	126	8150	108,47%	Đạt	2504	222,38%	Đạt	Đạt	1	2886,0	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1		
Phường 4	10125	2789	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	151	6418	64,88%	Không đạt	2554	70,18%	Không đạt	Không đạt	2	1792,8	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1		
Phường 5	10847	2726	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	262	9926	93,92%	Đạt	3965	117,69%	Đạt	Đạt	1	3301,5	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1		
Phường 6	8424	2184	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	177	5840	71,43%	Không đạt	2519	78,06%	Không đạt	Không đạt	2	3663,0	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1		
Phường 7	10273	2535	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	186	6763	67,64%	Không đạt	3043	80,93%	Không đạt	Không đạt	2	1972,4	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1		
Phường 8	7868	1842	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	330	6341	84,79%	Đạt	2481	92,40%	Đạt	Đạt	1	1085,8	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1		
Phường 9	13233	2963	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	199	6424	50,05%	Không đạt	2338	86,40%	Không đạt	Không đạt	2	1012,5	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1		
Phường 10	6479	1862	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	177	5038	80,49%	Đạt	1970	78,80%	Không đạt	Không đạt	2	1611,2	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1		
Phường 11	11659	3035	1	8,6	1	0	0,0	1	1	0	0,0	303	9962	88,04%	Đạt	4166	105,84%	Đạt	Đạt	1	2306,4	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1		
Phường 12	14857	3710	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	263	10019	69,21%	Không đạt	4240	95,88%	Đạt	Không đạt	2	1886,8	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1		
Phường 13	8749	2195	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	259	6094	72,61%	Không đạt	2575	93,43%	Đạt	Không đạt	2	1366,7	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1		
Phường 14	12909	3347	0	0,0	1	0	0,0	1	1	0	0,0	293	10575	84,19%	Đạt	4173	147,46%	Đạt	Đạt	1	896,3	Cao	103	Cao	Cao	20	Đạt	Cao	1	1		